

Số: 110/KH-HĐND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 9 năm 2017

KẾ HOẠCH

Khảo sát của Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh về thực hiện các tiêu chí đối với 16 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đối với 16 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
2. Đề xuất những giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm tiếp theo.
3. Kiến nghị với các cấp, các ngành của tỉnh trong việc triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017 và các năm tiếp theo.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

1. Phạm vi khảo sát

Kết quả thực hiện các tiêu chí đối với 16 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh liên quan "Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn".

2. Hình thức khảo sát - Đối tượng khảo sát

- *Khảo sát trực tiếp đối với:* Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; UBND các xã: Yên Đổ (huyện Phú Lương); xã Hà Châu (huyện Phú Bình); xã Vạn Thọ (huyện Đại Từ); xã La Hiên (huyện Võ Nhai).

- *Khảo sát thông qua báo cáo:* đối với UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn trong quá trình khảo sát, Ban kinh tế - ngân sách có thể bổ sung nội dung, địa điểm khảo sát nếu thấy cần thiết.

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN ĐOÀN KHẢO SÁT

1. Thực hiện khảo sát:

1.1 Khảo sát trực tiếp tại các xã:

- Ngày 10/10/2017: Bắt đầu từ 8h00', Ban tiến hành khảo sát tại xã Yên Đổ, huyện Phú Lương.

- Ngày 11/10/2017: Bắt đầu từ 8h00', Ban tiến hành khảo sát tại xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

- Ngày 12/10/2017: Bắt đầu từ 8h00', Ban tiến hành khảo sát tại xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ.



- Ngày 13/10/2017: Bắt đầu từ 8h00', Ban tiến hành khảo sát tại xã La Hiên, huyện Võ Nhai

* Thành phần khảo sát trực tiếp tại các xã.

Thành phần ở tỉnh mời: Thường trực HĐND tỉnh Thái Nguyên; Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM tỉnh Thái Nguyên; Lãnh đạo và các thành viên Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh; Lãnh đạo Văn phòng và chuyên viên kinh tế - ngân sách; phóng viên báo Thái Nguyên, Đài PTTH tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh.

Thành phần ở các địa phương mời: Lãnh đạo UBND cấp huyện, lãnh đạo UBND xã các thành phần khác do UBND cấp huyện và UBND các xã lựa chọn mời dự.

1.2 Khảo sát tại Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới:
Có giấy mời riêng

IV. NỘI DUNG KHẢO SÁT: (theo đề cương chi tiết đính kèm)

Căn cứ vào đề cương chi tiết đính kèm, đề nghị các đơn vị báo cáo những nội dung thuộc trách nhiệm của ngành, đơn vị, địa phương mình.

Các đơn vị thuộc đối tượng khảo sát trực tiếp, gián tiếp gửi trước 10 bộ báo cáo về Văn phòng HĐND tỉnh (số 18, đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) trước ngày 05/10/2017; chuẩn bị 10 bộ báo cáo phục vụ các đại biểu tham gia Đoàn khảo sát (Các thông tin đề nghị liên lạc với Đ/c Phùng Đình Huy, SĐT 0915.531.955; Đ/c Trần Lưu Thành, SĐT: 0982.532.881. Địa chỉ Email: kinhtengansachtn@gmail.com)

2. Kế hoạch này là lịch công tác của Đoàn khảo sát và thay cho giấy mời.

Trên đây là kế hoạch khảo sát kết quả thực hiện các tiêu chí đối với 16 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ban kinh tế - ngân sách báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và thông báo đến cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp chỉ đạo và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/cáo);
- UBND tỉnh;
- LĐ và các Ủy viên Ban kinh tế - ngân sách;
- LĐ các Ban HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM tỉnh Thái Nguyên;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- UBND các xã: Yên Đổ (huyện Phú Lương); xã Hà Châu (huyện Phú Bình); xã Vạn Thọ (huyện Đại Từ); xã La Hiên (huyện Võ Nhai);
- Các phòng thuộc thuộc VP;
- Báo TN; Đài PT-TH tỉnh, TT thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Mậu

ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các tiêu chí đối với 16 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Kế hoạch số 110/KH-HĐND ngày 19/9/2017 của Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh Thái Nguyên)

I. Đánh giá việc tổ chức, triển khai, thực hiện Chương trình

1. Khái quát chung về địa phương

- Khái quát đặc điểm tình hình của các địa phương (huyện/xã) về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, xây dựng hệ thống chính trị, tình hình nông nghiệp, nông thôn, nông dân...

- Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức, triển khai, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Những thuận lợi, khó khăn trong việc tổ chức, triển khai, thực hiện Chương trình.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí theo bộ tiêu chí của Trung ương, của tỉnh Thái Nguyên

Đánh giá kết quả thực hiện theo bộ tiêu chí quốc gia cần phải làm rõ: Sự thay đổi các tiêu chí năm 2015 so với năm 2016 (thời điểm được công nhận đạt chuẩn); Trong đó phân tích mức độ hoàn thành từng tiêu chí; phân tích rõ nguyên nhân thay đổi (nhanh/chậm) của từng tiêu chí:

2.1. Tiêu chí 1 - Quy hoạch và hiện trạng quy hoạch của xã: Đánh giá tình trạng các quy hoạch đã có (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sản xuất), trong đó làm rõ:

- Những quy hoạch đã có không cần phải bổ sung.
- Những quy hoạch còn thiếu cần phải xây dựng mới theo yêu cầu.
- Những quy hoạch cần phải bổ sung, điều chỉnh.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

2.2. Hạ tầng kinh tế - xã hội: Gồm 8 tiêu chí từ tiêu chí 2 đến tiêu chí 9

* **Tiêu chí 2 - Giao thông:** Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã (đường trục xã, liên xã; đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng):....km. trong đó:

- Đường giao thông đã được cứng hoá hoặc nhựa hoá (theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT):km; so với tổng số:..... %
- Đường xe cơ giới có thể đi lại thuận tiện:km; so với tổng số:..... %

- Đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa:.....km; so với tổng số:.....%.

- Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, đi lại thuận tiện:.....km; so với tổng số:.....%.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 2 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 3 - Thủy lợi**

- Mô tả hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã, bao gồm: các hồ, đập, kênh mương, trạm bơm tưới, tiêu kết hợp, đê, kè, cống....

- Hiện trạng và số km kênh mương đã được cứng hoá/tổng số km. Trong đó: Số km kênh mương do xã quản lý đã được cứng hóa, tỷ lệ % so với tổng số và Tiêu chí.

- Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu và cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt, phòng chống bão, lũ....

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 3 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 4 - Điện**

- Số trạm biến áp... trong đó số trạm đạt yêu cầu...., số trạm cần nâng cấp....., số trạm cần xây dựng mới.....

- Số km đường dây hạ thế...., trong đó.... km đạt chuẩn,km cần cải tạo, nâng cấp, km cần xây dựng mới.

- Số hộ và tỷ lệ hộ được dùng điện thường xuyên, an toàn.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 4 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 5 - Trường học**

Mô tả số trường học, phòng học trên địa bàn và mức độ đạt chuẩn của các trường, như sau:

a. Trường mầm non:

- Số phòng học đã có....., số phòng chưa đạt chuẩn.....

- Số phòng chức năng đã có....., số còn thiếu....

- Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có..... m², số còn thiếum².

b. Trường tiểu học:

- Số phòng học đã có....., số phòng chưa đạt chuẩn.....

- Số phòng chức năng đã có....., số còn thiếu.....

- Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có..... m², số còn thiếum².

c. Trường Trung học cơ sở:

- Số phòng học đã có....., số phòng chưa đạt chuẩn.....

- Số phòng chức năng đã có....., số còn thiếu.....

- Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có m², số còn thiếum².

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 5 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hoá**

- Số trung tâm văn hoá xã, thôn: Số trung tâm đã có....., số chưa đạt chuẩn..... đã đạt chuẩn....., trong đó : Số trung tâm cần nâng cấp....., số trung tâm cần xây mới.....

- Khu thể thao của xã, thôn: Số khu thể thao đã có, số đạt chuẩn....., số chưa đạt chuẩn, trong đó: Số khu cần nâng cấp....., số cần xây mới.....

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 6 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 7 - Chợ:** Số chợ đã có m², trong đó đạt chuẩn.... m². Cần nâng cấp.....m², cần xây mới.....m².

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 7 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 8 - Bưu điện:**

- Đã đạt chuẩn....., chưa đạt chuẩn, cần nâng cấp....., cần xây mới.....

- Số thôn có điểm truy cập internet công cộng....., chiếm% tổng số thôn.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 8 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư nông thôn**

- Số nhà tạm, dột nát....., tỷ lệ%.

- Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố.....%.

Đánh giá tình trạng chung về xây dựng nhà ở dân cư so với tiêu chí 9 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

2.3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

*** Tiêu chí số 10 - Thu nhập**

- Tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã trên các lĩnh vực sản xuất trồng trọt (cây lương thực và các loại cây hàng hóa chủ yếu), chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hoạt động ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ...; Tỷ trọng hàng hóa;

- Xác định thu nhập bình quân đầu người/năm của xã.

- So sánh mức độ đạt được so với Tiêu chí.

*** Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo**

- Xác định số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo của xã (theo chuẩn cũ).

- So sánh mức độ đạt được so với Tiêu chí.

*** Tiêu chí số 12 - Cơ cấu lao động**

- Khảo sát, thống kê tổng số lao động trong độ tuổi của xã và số lao động trong độ tuổi làm việc trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp của xã.

- Xác định tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp ở xã.

- So sánh mức độ đạt được so với Tiêu chí.

*** Tiêu chí 13 - Hình thức tổ chức sản xuất:**

- Tổng số trang trại....., phân loại theo lĩnh vực. Tổng số lao động trong các trang trại là người.

- Tổng số doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, TTCN, dịch vụ, tổng số lao động tham gia người.

- Xã có HTX và tổ hợp tác (sản xuất nông nghiệp, CN- TTCN, Dịch vụ)....., trong đó có HTX và..... tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, tổng số lao động tham gia người.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 13 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

2.4. Văn hoá – xã hội và môi trường

*** Tiêu chí 14 - Giáo dục:**

- Mức độ phổ cập giáo dục trung học đã đạt hay chưa đạt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học:.....%. Trong đó:

+ Phổ thông:.....%

+ Bổ túc:.....%

+ Học nghề:.....%

- Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn so với tổng số lao động:

+ Sơ cấp (3 tháng trở lên).... %.

+ Trung cấp..... %.

+ Đại học..... %.

+ Tỷ lệ số lao động sau khi đào tạo có việc làm/ tổng số đào tạo....%.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 14 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 15- Y tế:**

- Trạm Y tế đã đạt chuẩn hay chưa đạt.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế.....%

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 15 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 16 - Văn hoá:**

- Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn làng văn hoá.....%.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 16 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

*** Tiêu chí 17- Môi trường:**

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh....%.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn....%.

- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh....%.
- Xử lý chất thải: đã tổ chức hay chưa tổ chức thu gom rác và xử lý
- Số km rãnh thoát nước trong thôn xóm...., trong đó km chưa đạt yêu cầu tiêu thoát nước.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường....%.
 - Nghĩa trang: đã có quy hoạch và có quy chế quản lý chưa?
 - Tình hình chung về môi trường và quản lý môi trường trên địa bàn xã.
- So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 17 của Bộ tiêu chí quốc gia NTM.

2.5. Tiêu chí số 18 - Hệ thống tổ chức chính trị xã hội

- Mô tả hiện trạng đội ngũ cán bộ xã và đánh giá so với chuẩn;
- Mô tả và đánh giá (có đủ/không đủ) các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở từ cấp xã đến cấp thôn, làng theo quy định;
- Kết quả đánh giá, phân loại Đảng bộ, chính quyền của xã trong 03 năm gần nhất.
- Kết quả đánh giá, phân loại các tổ chức đoàn thể chính trị của xã trong 03 năm gần nhất.

So sánh mức độ đạt được so với Tiêu chí.

2.6. Tiêu chí số 19 - An ninh, trật tự xã hội

Thực trạng về công tác giữ gìn an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn: về tổ chức và hiệu quả hoạt động.

So sánh mức độ đạt được so với Tiêu chí.

(đề nghị báo cáo theo Phụ lục số 01)

3. Kết quả huy động và phân bổ các nguồn lực đầu tư

Báo cáo đi sâu đánh giá việc thực hiện xã hội hóa để huy động các nguồn lực tham gia xây dựng NTM; việc lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn; đánh giá việc phân bổ và tập trung các nguồn lực để xây dựng NTM; các phương thức huy động nguồn lực hiệu quả tạo sức mạnh tổng hợp; việc thực hiện thủ tục tự nguyện hiến đất cho người dân; thủ tục thanh quyết toán vốn...).

(đề nghị báo cáo theo Phụ lục số 02 kèm theo)

II. Đánh giá thực trạng các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn

1. Số lượng, nội dung các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn.
2. Tình hình lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn; thuận lợi, khó khăn khi lồng ghép.

3. Tổng các nguồn lực theo các chương trình, dự án đã đầu tư trên địa bàn, trong đó nêu rõ vốn Trung ương, vốn ngân sách địa phương đối ứng, vốn dân đóng góp và những nguồn tài trợ khác.

Đánh giá khái quát những khó khăn, hạn chế trong việc huy động nội lực vốn đầu tư... Rút ra kinh nghiệm cần áp dụng cho giai đoạn sau.

III. Kết luận chung

1. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

2. Nêu rõ số chỉ tiêu đạt và chưa đạt tiêu chí quốc gia nông thôn mới; mức độ đạt và chưa đạt của từng tiêu chí.

3. Phân tích những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân..., kinh nghiệm trong chỉ đạo phát triển nông thôn trước đây cần được áp dụng cho xây dựng NTM trong thời gian tới.

IV. Một số giải pháp, kiến nghị đề xuất

1. Một số giải pháp

2. Kiến nghị, đề xuất

- Trung ương;

- Với tỉnh;

Trên cơ sở các đánh giá từng nội dung của **Phần I, II**, đưa ra các đề xuất giải pháp và kiến nghị, trong đó cần tập trung vào công tác chỉ đạo, tổ chức quản lý, điều hành Chương trình, bố trí cán bộ chuyên trách ở các cấp, đơn vị giúp việc BCD cấp huyện, công tác quy hoạch, đặc biệt là công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, huy động và bố trí nguồn lực, cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh.

Căn cứ vào đề cương, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng báo cáo đảm bảo chất lượng, tiến độ và thời gian theo Kế hoạch.

Đơn vị, địa phương.....

Phụ lục số 01: tổng hợp số liệu đánh giá theo các tiêu chí

STT	Các tiêu chí	Nội dung đánh giá				Các nội dung còn nợ khi đã có quyết định công nhận đạt chuẩn	Kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí còn nợ	Ghi chú
		Năm 2015		Năm 2016				
		Đánh giá theo tiêu chí Quốc gia	Đánh giá theo tiêu chí của tỉnh	Đánh giá theo tiêu chí Quốc gia	Đánh giá theo tiêu chí của tỉnh			
1	Tiêu chí 1 - Quy hoạch và hiện trạng quy hoạch của xã: Đánh giá tình trạng các quy hoạch đã có (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sản xuất), trong đó làm rõ:							
1.1	Những quy hoạch đã có không cần phải bổ sung.							
1.2	Những quy hoạch còn thiếu cần phải xây dựng mới theo yêu cầu.							
1.3	Những quy hoạch cần phải bổ sung, điều chỉnh.							
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội: Gồm 8 tiêu chí từ tiêu chí 2 đến tiêu chí 9							
2.1.	Tiêu chí 2 - Giao thông: Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã (đường trục xã, liên xã; đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng):.....km.							
2.2.	Tiêu chí 3 - Thủy lợi							

STT	Các tiêu chí	Nội dung đánh giá				Các nội dung còn nợ khi đã có quyết định công nhận đạt chuẩn	Kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí còn nợ	Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016			
2.3.	Tiêu chí 4 - Điện	Đánh giá theo tiêu chí Quốc gia	Đánh giá theo tiêu chí của tỉnh	Đánh giá theo tiêu chí Quốc gia	Đánh giá theo tiêu chí của tỉnh			
2.4.	Tiêu chí 5 - Trường học							
a.	Trường mầm non:							
b.	Trường tiểu học:							
c.	Trường Trung học cơ sở:							
2.5.	Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hoá							
2.6.	Tiêu chí 7 - Chợ:							
2.7.	Tiêu chí 8 - Bưu điện							
2.8.	Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư nông thôn							
3.	Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất							
3.1.	Tiêu chí số 10 - Thu nhập							
a	Tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã trên các lĩnh vực sản xuất trồng trọt (cây lương thực và các loại cây hàng hóa chủ yếu), chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hoạt động ngành nghề tiêu thụ công nghiệp, dịch vụ ...; Tỷ trọng hàng hóa;							
b	Xác định thu nhập bình quân đầu người/năm của xã.							
c	So sánh mức độ đạt được so với Tiêu chí.							

STT	Các tiêu chí	Nội dung đánh giá				Các nội dung còn nợ khi đã có quyết định công nhận đạt chuẩn	Kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí còn nợ	Ghi chú
		Năm 2015		Năm 2016				
		Đánh giá theo tiêu chí Quốc gia	Đánh giá theo tiêu chí của tỉnh	Đánh giá theo tiêu chí Quốc gia	Đánh giá theo tiêu chí của tỉnh			
3.2.	Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo							
3.3.	Tiêu chí số 12 - Cơ cấu lao động							
3.4.	Tiêu chí số 13 - Hình thức tổ chức sản xuất:							
4.	Văn hoá – xã hội và môi trường							
4.1.	Tiêu chí 14 - Giáo dục:							
4.2.	Tiêu chí 15- Y tế:							
4.3.	Tiêu chí 16 - Văn hoá:							
4.4.	Tiêu chí 17- Môi trường:							
5.	Tiêu chí số 18 - Hệ thống tổ chức chính trị xã hội							
6.	Tiêu chí số 19 - An ninh, trật tự xã hội							

Đơn vị, địa phương.....

Phụ lục số 02: KẾT QUẢ VẬN ĐỘNG, HUY ĐỘNG VÀ PHÂN BỐ CÁC NGUỒN LỰC XÂY DỰNG NTM

Huyện/xã

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kết quả vận động, huy động và phân bố			Nhu cầu vốn còn thiếu để trả nợ các tiêu chí (nếu có)	Ghi chú
		Năm 2015	Đến tháng 12/2016	Cộng		
I	Tổng nguồn vốn huy động					
	Ngân sách Nhà nước					
	- Trung ương					
	+ Vốn Chương trình MTQGXDNTM					
1	+ Vốn lồng ghép từ các CTMTQG khác					
	- Tỉnh					
	- Huyện					
	- Xã					
2	Vốn tín dụng (ngân hàng cho nhân dân vay xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất)					

TT	Nội dung	Kết quả vận động, huy động và phân bổ			Nhu cầu vốn còn thiếu để trả nợ các tiêu chí (nếu có)	Ghi chú
		Năm 2015	Đến tháng 12/2016	Cộng		
	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn tín dụng ưu đãi theo Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ - Vốn vay của ngân hàng 					
3	Vốn của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh (tiền, vật tư, thiết bị, máy móc,... quy thành tiền).					
4	Nhân dân đóng góp (tiền, vật tư, ngày công, hiến đất, xây dựng chính trang nhà ở, công trình vệ sinh...(quy thành tiền).					
5	Vốn khác (ODA, TPCP,...)					
II	Tổng vốn đã phân bổ để đầu tư, hỗ trợ					
1	Quy hoạch (Vốn CTMTQGXDNTM)					
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng					
	- <i>Giao thông</i>					
	- <i>Thủy lợi</i>					

TT	Nội dung	Kết quả vận động, huy động và phân bổ			Nhu cầu vốn còn thiếu để trả nợ các tiêu chí (nếu có)	Ghi chú
		Năm 2015	Đến tháng 12/2016	Cộng		
	- Điện					
	- Trường học					
	- Văn hóa					
	- Chợ nông thôn					
	- Bưu điện					
	- Nhà ở dân cư					
3	Phát triển sản xuất					
4	Tuyên truyền					
5	Tập huấn					
6	Đào tạo nghề lao động nông thôn					
7	Quản lý					
8	Nội dung khác (nếu có)					